

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 1902/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 08 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán kế hoạch đặt hàng trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi năm 2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

CÔNG VĂN BẢN

Số: 969
Ngày: 09/7/2021

Sao gửi:
- L. Đào, GS, Phó Giám đốc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;



Căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh về phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý và khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 của UBND tỉnh về điều chỉnh định mức lao động trong đơn vị sản phẩm và bổ sung định mức sử dụng nước tưới tại mặt ruộng, trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch diện tích đất sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 198/TT-SNN&PTNT ngày 30/6/2021, Báo cáo số 180/BC-SNN&PTNT ngày 30/6/2021 và của Sở Tài chính tại Công văn số 1707/STC-DN ngày 25/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kế hoạch đặt hàng trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi năm 2021 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam, với một số nội dung chính như sau:

1. Kế hoạch khối lượng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

- a) Diện tích tưới nước, cấp nước: 49.931,02 ha;
- b) Sản lượng hoạt động dịch vụ thủy lợi khác gồm:
 - Cấp nước thô: 17,81 triệu m³;
 - Cấp nước phát điện: 2,6 triệu kwh;
 - Cho thuê mặt nước các hồ chứa để nuôi trồng thủy sản: 26 triệu đồng;
 - Thoát nước thải đã qua xử lý vào công trình thủy lợi: 0,022 triệu m³;
 - Thu lệ phí thông thuyền qua công trình thủy lợi: 5,5 triệu đồng.

2. Kế hoạch giá sản phẩm, dịch vụ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2021.

3. Kế hoạch tài chính

a) Doanh thu: 63.652.223.000 đồng, trong đó:

- Hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi: 47.218.566.000 đồng.
- Hoạt động dịch vụ thủy lợi khác: 16.383.657.000 đồng.
- Hoạt động tài chính: 50.000.000 đồng.

b) Chi phí: 80.390.949.000 đồng.

c) Cân đối thu chi:

- Doanh thu (1) 63.652.223.000 đồng.
- Chi phí (2) 80.390.949.000 đồng.
- * Thiếu (1)-(2) -16.738.726.000 đồng.

d) Ngân sách hỗ trợ để trích lập 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi: 6.805.552.000 đồng:

- Hỗ trợ 02 tháng lương đối với người lao động: 6.657.676.000 đồng.
- Hỗ trợ 01 tháng lương đối với người quản lý: 147.876.000 đồng.

4. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, thường xuyên tài sản

- Bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa định kỳ tài sản: 5.720.000.000 đồng.
- Bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa thường xuyên tài sản: 6.140.000.000 đồng.

5. Kế hoạch ngân sách trợ giá để cân đối thu chi: 16.738.726.000 đồng.

6. Kế hoạch lao động - tiền lương

a) Người quản lý doanh nghiệp

- Lao động bình quân (chuyên trách): 06 người.
- Tổng quỹ tiền lương: 1.774.509.000 đồng.
- Mức lương bình quân (chuyên trách): 24.646.000 đồng/tháng.

b) Người lao động

- Lao động bình quân: 400 người.
- Tổng quỹ tiền lương: 39.946.058.000 đồng.
- Mức lương bình quân: 8.322.000 đồng/người/tháng.

7. Kế hoạch nộp ngân sách: 1.032.657.000 đồng.

8. Chất lượng dịch vụ

Điều hòa, phân phối nước đảm bảo số lượng, chất lượng, kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp và theo yêu cầu của các ngành kinh tế khác.

9. Thời gian hoàn thành: 31/12/2021.



Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thương thảo, ký hợp đồng đặt hàng với Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các quy định hiện hành của Nhà nước; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiệm thu khối lượng thực hiện và thanh quyết toán theo đúng quy định.

2. Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch đặt hàng đảm bảo hiệu quả; đồng thời, phối hợp với các Sở, ngành để triển khai các nội dung liên quan theo quy định.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn các thủ tục, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đặt hàng trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam đảm bảo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động – Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Signature)
Nguyễn Hồng Quang